

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 438/QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động, thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các văn bản pháp Luật về thuế GTGT và thuế TNDN hiện hành;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính và các văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-TCT ngày 11/12/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa tại cơ quan thuế.

Để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế cũng như ngăn chặn các hiện tượng lợi dụng chiếm đoạt tiền thuế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Thanh tra Tổng cục Thuế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động, thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1006/QĐ-TCT ngày 13/6/2006 của Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy chế xác định, thông báo và xử lý về thuế đối với cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh và thay thế mục III phần II Quy trình kiểm tra hoá đơn ban hành kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**Bùi Văn Nam**

**QUY TRÌNH**  
**Quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động,**  
**thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với**  
**người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 438/QĐ-TCT*  
*ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)*

**Phần I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Mục đích**

1.1. Tăng cường công tác xác minh của cơ quan thuế đối với người nộp thuế có dấu hiệu cần xác minh để xác định người nộp thuế còn hoạt động hay không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; lập biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký (nếu người nộp thuế còn hoạt động) hoặc lập biên bản xác minh và thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

1.2. Để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế cũng như ngăn chặn các hiện tượng lợi dụng chiếm đoạt tiền thuế.

**2. Phạm vi áp dụng**

2.1. Quy trình này quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động, thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế

2.2. Người nộp thuế trong quy trình này là các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính (gọi tắt là TT 95/2016/TT-BTC).

**3. Đối tượng áp dụng**

Quy trình này áp dụng cho Cơ quan thuế trực tiếp quản lý đối với người nộp thuế, người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.

**4. Các bộ phận tham gia thực hiện quy trình**

4.1. Bộ phận kê khai và kế toán thuế (Bộ phận KK&KTT), Bộ phận đăng ký thuế: Phòng kê khai và kế toán thuế tại Cục Thuế; Đội kê khai - kế toán thuế và tin học tại Chi cục Thuế.

4.2. Bộ phận kiểm tra: Phòng kiểm tra thuế tại Cục Thuế; Đội Kiểm tra thuế tại Chi Cục Thuế.

4.3. Bộ phận hành chính văn thư, Bộ phận quản lý ấn chỉ: Phòng Hành chính - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ, phòng hành chính – lưu trữ, phòng quản lý ấn chỉ tại Cục Thuế; Đội Hành chính - Nhân sự - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ tại Chi cục Thuế.

4.4. Bộ phận tuyên truyền hỗ trợ: Phòng tuyên truyền hỗ trợ tại Cục Thuế, Đội tuyên truyền hỗ trợ tại Chi cục Thuế.

4.5. Bộ phận quản lý nợ: Phòng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Cục Thuế, Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Chi cục Thuế.

4.6. Bộ phận quản lý các khoản thu về đất: Phòng Quản lý các khoản thu về đất tại Cục Thuế, Đội Quản lý thu trước bạ và thu khác

4.7. Bộ phận Quản lý thuế thu nhập cá nhân: Phòng Quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế, Đội Quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục Thuế.

4.8. Đội thuế liên phường, xã, thị trấn tại Chi cục Thuế.

## **Phần II**

### **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

#### **1. Các trường hợp cần xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.**

1.1. Quá thời hạn người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế:

a) Căn cứ vào thời hạn theo quy định, nếu quá thời hạn người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thì trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ nêu trên hoặc thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, Bộ phận KK&KTT phải lập và gửi Thông báo mẫu số 18/QTr - KK ban hành kèm theo Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế (gọi tắt là Quyết định số 879/QĐ-TCT) yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong Thông báo ấn định thời hạn cuối cùng người nộp thuế phải nộp cho cơ quan thuế là 05 ngày kể từ ngày phát hành Thông báo lần 1. Thông báo được gửi cho người nộp thuế qua đường bưu chính theo địa chỉ đã đăng ký hoạt động, địa chỉ email và tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, địa chỉ thư điện tử mà người nộp thuế đã đăng ký kê khai, nộp thuế điện tử.

b) Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm Bộ phận KK&KTT gửi Thông báo lần 1, người nộp thuế vẫn chưa nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn, Bộ phận KK&KTT tiếp tục gửi Thông báo lần 2 qua cổng thông tin điện tử và qua đường bưu chính.

c) Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm gửi Thông báo lần 2, người nộp thuế vẫn chưa nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn, Bộ phận KK&KTT lập Phiếu đề nghị giải quyết mẫu số 01/QTr-TTr ban hành kèm theo Quy trình này, chuyển Bộ phận kiểm tra để thực hiện xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

1.2. Người nộp thuế không nhận văn bản của cơ quan thuế gửi qua bưu điện:

Các văn bản của cơ quan thuế (Quyết định, Văn bản, Thông báo...) gửi cho người nộp thuế qua đường bưu điện nhưng bưu điện trả lại do không có người nhận hoặc do địa chỉ không tồn tại, văn bản của Bộ phận nào thì bộ phận đó (ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được hồ sơ trả lại của bưu điện) phải lập Phiếu đề nghị giải quyết mẫu số 01/QTr-TTr ban hành kèm theo Quy trình này chuyển Bộ phận kiểm tra để thực hiện xác minh tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế.

1.3. Cơ quan thuế nhận được thông tin bằng văn bản do các tổ chức, cá nhân cung cấp về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký:

Bộ phận hành chính văn thư khi nhận được văn bản do các tổ chức, cá nhân và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký: thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đến” (đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi ngày nhận hồ sơ của cơ quan thuế, số lượng hồ sơ nhận) và chuyển ngay trong ngày nhận được văn bản đến hoặc chậm nhất là đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo cho Bộ phận kiểm tra để tiến hành xác minh tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế.

1.4. Người nộp thuế là đơn vị chủ quản (thuộc một trong các trường hợp đang tiến hành xác minh thực tế tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định điểm 1.1, 1.2, 1.3 mục này) có đơn vị trực thuộc thì:

Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản (Bộ phận kiểm tra) phải thông báo cho đơn vị trực thuộc về việc đơn vị chủ quản được nhận diện không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo mẫu số 26/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC chậm nhất trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp phải thực hiện xác minh thực tế hoạt động của

người nộp thuế là đơn vị chủ quản tại địa chỉ đã đăng ký để cảnh báo cho đơn vị trực thuộc được biết. Trường hợp đơn vị chủ quản và đơn vị trực thuộc khác cơ quan thuế quản lý trực tiếp, thì Thông báo đồng thời phải gửi cho cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc.

1.5. Người nộp thuế đã làm thủ tục chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi đi nhưng quá thời hạn theo quy định không đến làm thủ tục tại cơ quan thuế nơi đến theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC. Bộ phận đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi đến căn cứ hồ sơ chuyển địa điểm của cơ quan thuế chuyển đi và thời hạn quy định để lập Phiếu đề nghị giải quyết chuyển Bộ phận kiểm tra để thực hiện xác minh nếu người nộp thuế không làm thủ tục đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi đến.

1.6. Người nộp thuế không có thông tin phản hồi, không thực hiện các văn bản của cơ quan thuế:

Các văn bản của cơ quan thuế (Quyết định, Văn bản, Thông báo...) gửi cho người nộp thuế qua đường bưu điện nhưng không có thông tin phản hồi, không thực hiện thì sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản, văn bản của Bộ phận nào thì Bộ phận đó lập Phiếu đề nghị giải quyết mẫu số 01/QTr-TTr ban hành kèm theo Quy trình này chuyển Bộ phận kiểm tra để thực hiện xác minh tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế.

1.7. Các trường hợp khác: (nếu cần phải xác minh).

## **2. Xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.**

2.1. Bộ phận kiểm tra:

a) Thành lập Tổ xác minh bao gồm từ 02 (hai) công chức trở lên (hoặc 01 (một) công chức Bộ phận kiểm tra, 01 (một) công chức bộ phận đề nghị xác minh) để thực hiện xác minh, trình lãnh đạo Cục Thuế (Chi cục Thuế) ký giấy giới thiệu đến địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế của người nộp thuế và chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan công an trên địa bàn nơi người nộp thuế đăng ký địa chỉ hoạt động kinh doanh) thực hiện xác minh thực tế để xác định người nộp thuế còn hoạt động hay không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Trường hợp người nộp thuế do Cục Thuế quản lý có địa điểm xa nơi cơ quan thuế đóng trụ sở, Bộ phận kiểm tra có thể đề nghị Chi cục Thuế quản lý địa bàn nơi người nộp thuế đóng trụ sở xác minh theo mẫu số 02/QTr-TTr ban hành kèm theo Quy trình này. Trường hợp người nộp thuế được thành lập và hoạt động trong khu công nghiệp (đang được Ban quản lý các Khu công nghiệp quản lý theo chức năng) thì khi thực hiện xác minh theo yêu cầu có thể phối hợp với Ban quản lý Khu công nghiệp để xác minh.

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của các bộ phận có liên quan chuyên đến, Tổ xác minh phối hợp với chính quyền địa phương phải hoàn thành xác minh thực tế hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký.

c) Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký: Tổ xác minh lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký theo mẫu số 15/BB-BKD ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC và yêu cầu người nộp thuế ký xác nhận vào Biên bản, đồng thời yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo thuế, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn và thực hiện nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký: Tổ xác minh phối hợp với chính quyền địa phương lập Biên bản xác minh trong đó nêu rõ người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo mẫu số 15/BB-BKD ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC có xác nhận của chính quyền địa phương.

Kết quả xác minh, Bộ phận kiểm tra điền vào Phiếu đề nghị giải quyết, chuyển cho Bộ phận KK&KTT và Bộ phận đã gửi Phiếu đề nghị giải quyết theo mẫu 01 ban hành kèm theo quy trình này trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại

địa chỉ đã đăng ký thì Phiếu đề nghị giải quyết được chuyển cho cả Bộ phận Quản lý ấn chỉ, Bộ phận Quản lý nợ.

## 2.2. Bộ phận quản lý ấn chỉ:

Căn cứ kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Bộ phận kiểm tra chuyển đến, Bộ phận quản lý ấn chỉ xác định tình hình sử dụng hóa đơn của người nộp thuế gồm: thông báo phát hành hóa đơn; báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (nếu có); thông báo kết quả hủy hóa đơn (nếu có); ủy nhiệm lập hóa đơn (nếu có); báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn bao gồm cả hóa đơn ủy nhiệm (nếu có), hóa đơn bị cưỡng chế (nếu có), chuyển Bộ phận kiểm tra trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận Phiếu chuyển đề nghị giải quyết để Bộ phận kiểm tra ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo nội dung Quy trình này.

## 2.3. Bộ phận quản lý nợ:

Căn cứ kết quả xác minh người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Bộ phận kiểm tra chuyển đến, Bộ phận quản lý nợ có trách nhiệm cung cấp thông tin, xác định ngay các khoản thuế còn nợ ngân sách nhà nước tính đến ngày người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, chuyển Bộ phận kiểm tra trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận Phiếu chuyển đề nghị giải quyết để Bộ phận kiểm tra ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo nội dung Quy trình này.

## 3. Thông báo, cập nhật và công khai thông tin của người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

### 3.1. Bộ phận kiểm tra:

a) Căn cứ vào cơ sở dữ liệu về nghĩa vụ thuế, về hoá đơn trên các ứng dụng của ngành Thuế, của Bộ phận Quản lý nợ, Bộ phận quản lý ấn chỉ cung cấp và Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký giữa cơ quan thuế với chính quyền địa phương, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên biên bản, Bộ phận kiểm tra dự thảo và trình lãnh đạo cơ quan thuế ký ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo mẫu số 03/QTr-TTr ban hành kèm theo Quy trình này.

b) Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký được gửi bằng đường công văn cho người nộp thuế (theo địa chỉ nhận thông báo thuế đã đăng ký; địa chỉ hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện tại của: người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ tịch hội đồng thành viên của công ty hợp danh; địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế để nộp hồ sơ khai thuế qua mạng (nếu có) và chính quyền địa phương nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế) đồng thời gửi cho các bộ phận chức năng (Bộ phận Tuyên truyền hỗ trợ, Bộ phận Kế khai & kế toán thuế, Bộ phận đăng ký thuế, Bộ phận quản lý ấn chỉ, Bộ phận quản lý nợ... thuộc Cục Thuế (Chi cục Thuế)) và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (cơ quan Hải quan; cơ quan đăng ký kinh doanh; Viện Kiểm sát; cơ quan công an; cơ quan quản lý thị trường trên địa bàn; cơ quan cấp giấy phép thành lập và hoạt động) ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ký Thông báo.

Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đã có Quy chế trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử, Thông báo được gửi theo quy định tại Quy chế.

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị trực thuộc thì Thông báo đồng thời gửi cho đơn vị chủ quản và cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị chủ quản.

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản có đơn vị trực thuộc thì Thông báo đồng thời gửi cho các đơn vị trực thuộc và cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị trực thuộc.

### 3.2. Bộ phận Kế khai và kế toán thuế:

Khi nhận được Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Bộ phận kiểm tra chuyển đến, thực hiện cập nhật tình trạng người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và thực hiện các bước theo hướng dẫn tại điểm 1.1.7, Mục I, phần II Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế ban hành kèm theo Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày trong ngày hoặc chậm nhất vào đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp người nộp thuế là đơn vị chủ quản có các đơn vị trực thuộc thì Bộ phận Kế khai và kế toán thuế cập nhật đồng thời trạng thái không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản.

### 3.3. Bộ phận tuyên truyền hỗ trợ:

Khi nhận được Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Bộ phận kiểm tra chuyển đến có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin lên Website của Cục Thuế và kết nối với Website của Tổng cục Thuế công khai người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngay trong ngày hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày hôm sau đồng thời phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình địa phương thông báo công khai nội dung ghi trên Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký để người nộp thuế khác biết phòng ngừa và tránh bị lợi dụng.

### 3.4. Bộ phận Quản lý ấn chỉ:

Khi nhận được Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do Bộ phận kiểm tra chuyển đến có trách nhiệm thực hiện cập nhật thông tin vào hệ thống ứng dụng quản lý ấn chỉ về số lượng hóa đơn, chứng từ (loại, mẫu, ký hiệu) còn tồn chưa khai báo sử dụng với cơ quan thuế (theo báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn kỳ cuối cùng của người nộp thuế và Thông báo về việc hoá đơn không có giá trị sử dụng của người nộp thuế gửi cơ quan thuế (nếu có) trước khi cơ quan thuế ban hành Thông báo này). Đồng thời, có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin lên Website Tra cứu hóa đơn, nội dung thông tin gồm: số thông báo, ngày thông báo, tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ, số lượng hóa đơn, chứng từ (loại, mẫu, ký hiệu), ngày hóa đơn hết giá trị sử dụng, nếu người nộp thuế sử dụng từ thời điểm ghi trên Thông báo này về sau thì không có giá trị sử dụng để kê khai thuế, khấu trừ thuế GTGT.

## 4. Xử lý đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

4.1. Đối với cơ quan thuế trực tiếp quản lý người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký:

Đồng thời với việc thông báo công khai người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo mục 3 nêu trên, các Bộ phận chức năng có liên quan phải thực hiện thông báo ngay các biện pháp sau, cụ thể:

a) Bộ phận quản lý ấn chỉ:

a1) Không tiếp nhận hồ sơ thông báo phát hành của người nộp thuế đã bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

a2) Dừng ngay việc bán hoá đơn đối với người nộp thuế (thuộc đối tượng mua hoá đơn của cơ quan thuế) không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mà không khai báo với cơ quan thuế.

a3) Thông báo cho tổ chức cung cấp giải pháp hoá đơn điện tử trong trường hợp người nộp thuế thông qua hệ thống trung gian của tổ chức cung cấp giải pháp hoá đơn điện tử để tổ chức này dừng không lập hoá đơn và truyền cho người mua.

a4) Trường hợp người nộp thuế có uỷ nhiệm cho bên thứ ba lập hoá đơn cho hoạt động bán hàng hoá, dịch vụ thì phải thông báo ngay cho bên được uỷ nhiệm dừng lập hoá đơn.

a5) Khi nhận được văn bản của Bộ phận kiểm tra hoặc của các cơ quan chức năng chuyển đến kết luận người nộp thuế có sử dụng một số hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá

đơn thì Bộ phận quản lý ấn chỉ thực hiện đưa lên Website Tra cứu hóa đơn đăng thông tin về các số hoá đơn bất hợp pháp này.

b) Bộ phận quản lý nợ:

b1) Phân loại tiền thuế nợ theo quy trình Quản lý nợ thuế được ban hành kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

b2) Áp dụng biện pháp cưỡng chế theo Điều 17 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, đối với các trường hợp thuộc đối tượng cưỡng chế theo quy định.

c) Bộ phận kiểm tra:

c1) Có văn bản gửi ngân hàng nơi người nộp thuế (không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký) mở tài khoản đề nghị ngân hàng sao kê giao dịch theo các thông tin sau:

Tên Công ty chuyển tiền, Ngân hàng mở TK, số TK, số đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp thanh toán TK mở cùng hệ thống ngân hàng), chi tiết ngày giao dịch, số tiền giao dịch.

c2) Căn cứ kết quả sao kê giao dịch tại ngân hàng tiến hành phân loại người nộp thuế (bên mua) có giao dịch với người nộp thuế không còn hoạt động:

- Trường hợp xác định bên mua có giao dịch với người nộp thuế không còn hoạt động thuộc cơ quan thuế trực tiếp quản lý, Bộ phận kiểm tra căn cứ vào nội dung chuyển tiền thanh toán của bên mua cho người nộp thuế không còn hoạt động, có văn bản gửi bên mua đề nghị giải trình từng lần thanh toán của các số hoá đơn, sau đó đối chiếu lại với báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn của người nộp thuế không còn hoạt động xem các số hoá đơn này đã kê khai và nộp thuế GTGT đầu ra chưa nhằm phát hiện việc sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để tiếp tục thực hiện xử lý các bước tiếp theo liên quan đến hóa đơn bất hợp pháp theo quy định.

- Trường hợp xác định bên mua có giao dịch với người nộp thuế không còn hoạt động thuộc cơ quan thuế khác tỉnh, thành phố. Bộ phận kiểm tra chuyển thông tin giao dịch theo các nội dung nêu trên cho Cục Thuế quản lý bên mua đề Cục Thuế đề nghị bên mua giải trình và đối chiếu tiếp theo trình tự nêu trên.

c3) Trường hợp qua kiểm tra cơ quan thuế hoặc các cơ quan chức năng có văn bản gửi cơ quan thuế kết luận người nộp thuế có sử dụng một số hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn thì Bộ phận kiểm tra, thanh tra thực hiện:

- Chuyển toàn bộ nội dung nêu trên cho Bộ phận quản lý ấn chỉ để đưa lên Website Tra cứu hóa đơn.

- Thống kê, phân loại người nộp thuế đã mua hoá đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hoá đơn theo từng địa phương, có văn bản thông báo đến cơ quan thuế có liên quan để cơ quan thuế quản lý người nộp thuế mua hoá đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hoá đơn biết và xử lý theo quy định.

- Lập văn bản (kèm theo bảng thống kê nêu trên) báo cáo, kiến nghị cơ quan Công an và Viện kiểm sát cùng cấp để các cơ quan này có biện pháp xử lý đối với người nộp thuế bán hoá đơn và người nộp thuế mua hoá đơn bất hợp pháp.

- Áp dụng ngay các biện pháp xử lý người nộp thuế mua, bán hoá đơn bất hợp pháp theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

c4) Các Bộ phận khi tiến hành thanh tra, kiểm tra phát hiện người nộp thuế (người mua) có kê khai khấu trừ, hoàn thuế hoặc hạch toán chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những số hóa đơn đã phát hành (hoặc mua) nhưng chưa sử dụng nêu tại Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong khoảng thời gian từ ngày đầu tiên của tháng đầu quý sau kỳ báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cuối cùng người nộp

thuế nộp cho cơ quan thuế trước khi không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến trước ngày ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì phối hợp xử lý theo hướng dẫn tại điểm 2 công văn số 11797/BTC-TCT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài chính. Trường hợp công văn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

#### 4.2. Đối với Cơ quan thuế có liên quan:

a) Khi nhận được thông báo người nộp thuế là đơn vị chủ quản không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế có các đơn vị trực thuộc trên địa bàn thuộc cơ quan thuế mình quản lý trực tiếp thì Bộ phận Kế khai và kế toán thuế cập nhật trạng thái không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo trạng thái mã số thuế của đơn vị chủ quản. Đồng thời, chuyển thông báo cho các bộ phận có liên quan (Bộ phận kiểm tra, Bộ phận Tuyên truyền hỗ trợ, Bộ phận Quản lý ấn chỉ, Bộ phận Quản lý nợ) để thực hiện các bước theo hướng dẫn tại Quy trình này.

b) Thường xuyên tra cứu thông tin về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế để nắm được kịp thời các thông tin về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; các loại hoá đơn đã sử dụng bất hợp pháp và những hoá đơn hết giá trị sử dụng, chưa sử dụng để chỉ đạo các bộ phận chức năng kiểm soát, phát hiện người nộp thuế (người mua) sử dụng hoá đơn này.

c) Khi nhận được thông báo hoặc qua tra cứu thông tin trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thấy người nộp thuế (người mua) thuộc cơ quan thuế mình trực tiếp quản lý có giao dịch tại ngân hàng với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký và sử dụng hoá đơn bất hợp pháp ghi ngày trên hoá đơn từ ngày phát hành thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký về sau, hoặc khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan thuế có liên quan và các ngành chức năng chuyển đến kết luận người nộp thuế có sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn, Cơ quan thuế phải thực hiện xử lý đối với người mua như sau:

c1) Có biện pháp kiểm tra, xử lý theo quy định.

c2) Thông báo yêu cầu người mua không được kê khai khấu trừ (hoặc hoàn) thuế GTGT đầu vào của những hoá đơn bất hợp pháp, không được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế để tính thuế TNDN đối với số tiền ghi trên hoá đơn bất hợp pháp.

c3) Kiểm tra xác định số thuế GTGT, thuế TNDN mà người mua đã chiếm đoạt của nhà nước thông qua việc sử dụng những hoá đơn bất hợp pháp nêu trên và ra Quyết định thu hồi ngay số tiền thuế đó.

c4) Căn cứ tính chất và mức độ vi phạm của người nộp thuế (người mua), đề ra quyết định xử lý về thuế và xử phạt hành vi vi phạm theo quy định; trường hợp vi phạm nghiêm trọng thì lập hồ sơ đề nghị cơ quan pháp luật điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

### 5. Khôi phục mã số thuế.

#### 5.1. Trường hợp được khôi phục mã số thuế:

Người nộp thuế ở tình trạng cơ quan thuế đã ban hành Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng cơ quan đăng ký kinh doanh chưa ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; cơ quan quản lý nhà nước khác chưa ban hành văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương, người nộp thuế có văn bản đề nghị cơ quan thuế khôi phục mã số thuế và cam kết thanh toán các nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, chấp hành việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

#### 5.2. Xử lý khôi phục mã số thuế và trả kết quả:

5.2.1 Bộ phận hành chính văn thư khi nhận được văn bản do người nộp thuế chuyển đến: thực hiện thủ tục đăng ký văn bản “đến” (đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi ngày nhận hồ sơ của cơ

quan thuế, số lượng hồ sơ nhận) và chuyển ngay trong ngày nhận được văn bản đến hoặc chậm nhất là đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo cho Bộ phận Kế khai kế toán thuế, đồng thời sao gửi cho các bộ phận liên quan: Quản lý ấn chỉ, Quản lý nợ, Kiểm tra thuế.

#### 5.2.2 Bộ phận Quản lý ấn chỉ:

Khi nhận được văn bản do Bộ phận hành chính văn thư chuyển đến, trong thời hạn 03 ngày làm việc: xác định tình hình sử dụng hoá đơn, xử phạt hành vi vi phạm về hóa đơn (nếu có) của người nộp thuế, chuyển kết quả cho Bộ phận kế khai và kế toán thuế.

#### 5.2.3 Bộ phận Quản lý nợ:

Khi nhận được văn bản do Bộ phận hành chính văn thư chuyển đến, trong thời hạn 03 ngày làm việc: xác định số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có) chuyển kết quả cho Bộ phận kế khai và kế toán thuế.

#### 5.2.4. Bộ phận kiểm tra thuế:

Khi nhận được văn bản do Bộ phận hành chính văn thư chuyển đến, trong thời hạn 05 ngày làm việc: thực hiện xác minh thực tế tại địa chỉ trụ sở kinh doanh của người nộp thuế và lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký theo hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế (người nộp thuế phải ký xác nhận vào Biên bản), chuyển kết quả cho Bộ phận Kế khai và kế toán thuế.

#### 5.2.5. Bộ phận Kế khai và kế toán thuế:

- Khi nhận được văn bản do Bộ phận hành chính văn thư và các Bộ phận có liên quan chuyển đến, trong thời hạn 03 ngày làm việc: lập danh sách các hồ sơ khai thuế còn thiếu, tình hình sử dụng hoá đơn, số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có), gửi thông báo cho người nộp thuế biết và thực hiện xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đủ số tiền thuế còn nợ, số tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có), thực hiện:

+ Lập Thông báo khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016, gửi người nộp thuế.

+ In lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+ Thông báo khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế được gửi người nộp thuế (theo địa chỉ nhận thông báo thuế đã đăng ký; địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ tịch hội đồng thành viên của công ty hợp danh; địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế để nộp hồ sơ khai thuế qua mạng - nếu có); cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Viện Kiểm sát, cơ quan Công an trên địa bàn; cơ quan cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành Thông báo, đồng thời cập nhật trạng thái mã số thuế của người nộp thuế trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

### **Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Cục Thuế và Chi cục Thuế có trách nhiệm:**

- Cập nhật kịp thời, đầy đủ các thông tin về người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký để kịp thời thông báo, đưa lên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế và có biện pháp xử lý ngăn chặn hậu quả.

- Trường hợp sau khi đã thông báo lên Website của Cục Thuế và kết nối với Website của Tổng cục Thuế công khai người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, nếu người nộp thuế đến cơ quan thuế khai báo lại thì cơ quan thuế thực hiện theo đúng quy định tại Điều 20 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế và thực hiện hủy các số hóa đơn không còn giá trị sử dụng tại Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

2. Quy trình này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh căn cứ vào các quy định của Quy trình này để thực hiện. Các nội dung không quy định trong Quy trình này được thực hiện theo các văn bản hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Quy trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc các đơn vị phản ánh kịp thời về Tổng cục Thuế (qua Vụ Thanh tra) để nghiên cứu báo cáo Tổng cục trưởng sửa đổi, bổ sung Quy trình cho phù hợp./.

## TỔNG CỤC THUẾ

CƠ QUAN THUẾ  
PHÒNG/ĐỘI ....

Mẫu số:01/QTr-TTr (Ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-TCT ngày 05/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)
--

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT**  
**Về việc: Xác minh địa điểm trụ sở của NNT**

**Kính gửi: Phòng\Đội Kiểm tra Thuế**

Căn cứ các quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Kính đề nghị: Phòng\Đội Kiểm tra Thuế thực hiện xác minh địa điểm trụ sở của Công ty .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số... ngày cấp ... cơ quan cấp

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Tên người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:.....

Chức vụ: ...; CMND/Hộ chiếu số: .....; Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Lý do: (nêu lý do cần xác minh quy định tại Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-TCT ngày 05/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Thời hạn trả lời: <5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị này>.

Xin trân trọng cảm ơn và rất mong nhận được sự phối hợp./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN**

(Chữ ký)

**Họ và tên**

**Phần ghi kết quả giải quyết:**

.....

.....

.....

.....

.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN**

(Chữ ký)

**Họ và tên**

Mẫu số:02/QTr-TTr (Ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-TCT ngày 05/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)
--

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..../CT-....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Về việc: Xác minh địa điểm trụ sở  
của NNT

**Kính gửi: Chi cục Thuế .....**

Căn cứ các quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TCT ngày .../.../2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động, thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.

Đề nghị: Chi cục Thuế ..... thực hiện xác minh địa điểm trụ sở của Công ty .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số... ngày cấp ... cơ quan cấp.....

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Tên người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế: .....

Chức vụ: ...; CMND/Hộ chiếu số: .....; Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Lý do: (nêu lý do cần xác minh quy định tại Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TCT ngày .../.../2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Chi cục Thuế thực hiện xác minh, lập Biên bản và gửi về Cục Thuế theo quy định tại Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TCT ngày .../.../2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế./

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**LÃNH ĐẠO CỤC THUẾ**  
(Chữ ký, Đóng dấu)  
**Họ và tên**

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ ...  
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TB-CT(CCT)

....., ngày ... tháng ... năm ...

### THÔNG BÁO

#### Về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Căn cứ Biên bản xác minh người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ngày ....., Cục Thuế (hoặc Chi cục Thuế) ....., thông báo:.....

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số... ngày cấp ... cơ quan cấp.....

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Tên người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế:.....

Chức vụ: ...; CMND/Hộ chiếu số: .....; Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Người nộp thuế nêu trên không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày .../.../... <ngày ghi trên biên bản> nhưng không khai báo với cơ quan thuế theo quy định.

1. Tình hình kê khai thuế:.....

2. Tình hình nợ ngân sách nhà nước đến ngày .../.../... như sau:

STT	Loại tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp	Mã Tiêu mục	Số tiền nợ
1	.....		
2	.....		
...	.....		
	<b>Tổng cộng</b>		

3. Tình hình sử dụng hoá đơn:

Theo Thông báo phát hành, Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn kỳ ... của người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế ngày .../.../..., thông báo kết quả huỷ hoá đơn của người nộp thuế gửi cơ quan thuế ngày.../.../...sau ngày gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn kỳ ... và trước ngày ban hành Thông báo này (nếu có), người nộp thuế còn tồn các hoá đơn đã phát hành (hoặc mua của cơ quan thuế) nhưng chưa sử dụng như sau:

STT	Tên loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hoá đơn	Từ số - đến số	Số lượng
1					
2					
...	.....				

Các hoá đơn trên không còn giá trị sử dụng từ ngày ban hành thông báo này về sau.

4. Các thông tin khác:

Cục Thuế (Chi cục Thuế)...xin thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan được biết./.

*Nơi nhận:*

- TTHT, KK&KTT, QLAC, QLN...

- ...;

- Lưu: VT, Ktra

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền  
theo quy định

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ<sup>(1)</sup>**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*